TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦN GIUỘC** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 15-12-2021
V/v yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp chia tài sản chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN G, TỈNH L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Cương;

2. Bà Phạm Thị Tuyết Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần G *tham gia phiên tòa:* Bà Phan Thị Thơ- Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 464/2017/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2017 về việc: "*Tranh chấp yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng, chia tài sản chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2021/QĐXX-ST ngày 26 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Ngô Quốc Đ, sinh năm: 1969, nơi cư trú: Ấp Thuận B, xã Thuận T, huyện Cần G , tỉnh Long A (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Phú V, luật sư thuộc Văn phòng luật sư Thiên V thuộc đoàn luật sư thành phố H (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Võ Thị T, sinh năm: 1972, nơi cư trú: Ấp Thuận B, xã Thuận T, huyện Cần G , tỉnh Long A. (có mặt)

Chỗ ở hiện nay: Khu phố Hòa Thuận 2, thị trấn Cần G , huyện Cần G , tỉnh Long A.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Anh Ngô Nhật T, sinh năm: 1994. (yêu cầu giải quyết vắng mặt)

3.2. Anh Ngô Duy T, sinh năm: 1997. (yêu cầu giải quyết vắng mặt)

3.3. Chị Ngô Thị Ngọc T, sinh năm: 2000. (yêu cầu giải quyết vắng mặt)

Cùng nơi cư trú: Ấp Thuận B, xã Thuận T, huyện Cần G , tỉnh Long A.

3.4. Ông Trương Thanh L, sinh năm: 1985, nơi cư trú: Khu phố Trị Yên, thị trấn Cần G , huyện Cần G , tỉnh Long A (yêu cầu giải quyết vắng mặt)

3.5. Bà Phạm Thị Ngọc H, sinh năm: 1956, nơi cư trú: Ấp Thuận B, xã Thuận T, huyện Cần G , tỉnh Long A (yêu cầu giải quyết vắng mặt)

3.6. Ông Lê Hoàng V, sinh năm: 1967, nơi cư trú: Ấp Thuận B, xã Thuận T, huyện Cần G , tỉnh Long A (yêu cầu giải quyết vắng mặt)

3.7. Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm: 1968, Ấp Thuận B, xã Thuận T, huyện Cần G , tỉnh Long A (yêu cầu giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 16/6/2017, đơn khởi kiện bổ sung ngày 18/10/2017; đơn khởi kiện bổ sung ngày 08/01/2018 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Ngô Quốc Đ trình bày:

Vào năm 1993, được sự đồng ý của hai bên gia đình, ông và bà Võ Thị T tiến hành lễ cưới theo tập quán của địa phương nhưng đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Sau lễ cưới, bà T về ở bên gia đình chồng tại xã Thuận T, huyện Cần G . Thời gian đầu sống chung ông và bà Thạnh phúc. Vào đầu năm 2003, Ông Đ phát hiện bà Tcó mối quan hệ với người đàn ông khác. Ông Đ có thưa ra Ủy ban nhân dân xã Thuận T, huyện Cần G , được hòa giải, vì ba người con còn nhỏ nên ông và bà T quay về sống chung để lo cho con. Ông Đ thường xuyên nhẫn nhịn và khuyên can bà Tiến. Ông và bà Tphát sinh mâu thuẫn về kinh tế. Bà Tdùng những lời lẽ để xúc phạm danh dự ông Đồng. Ông và bà Tkhông còn sống chung từ 07 năm nay. Hiện tại Ông Đ xét thấy tình cảm giữa ông và bà Tkhông còn, không thể sống chung với nhau nên yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà Tiến.

Về con chung: Ông Đ và bà T có ba người con chung là Ngô Nhật T, sinh năm: 1994, Ngô Duy T, sinh năm: 1997, Ngô Thị Ngọc T, sinh năm: 2000. Hiện các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

Về tài sản:

Quyền sử dụng đất thửa đất số 225, tờ bản đồ số 08, diện tích qua đo đạc thực tế là 580m^2, loại đất ở nông thôn, đất tại xã Thuận T, huyện Cần G , tỉnh Long A do Ủy ban nhân dân huyện Cần G cấp cho ông Ngô Quốc Đ vào ngày 13/02/2007. Nguồn gốc đất là ông Ngô Quốc Đ được nhận thừa kế từ ông Ngô Văn M (chết năm 2002) và mẹ là bà Nguyễn Thị B; các anh em trong gia đình Ông Đ phân chia và sử dụng ổn định từ năm 2002, không có tranh chấp. Ông Đ xác định là tài sản của riêng ông, không phải tài sản chung của Ông Đ và bà T. Ông Đ thừa nhận quá trình sống chung, bà Tđã bảo quản, giữ gìn, tôn tạo quyền sử dụng đất thửa đất số 225, tờ bản đồ số 08, loại đất ở nông thôn, đất tại xã Thuận T, huyện Cần G , tỉnh Long A.

Quyền sử dụng thửa đất số 1066, tờ bản đồ số 03, loại đất trồng lúa, diện tích qua đo đạc thực tế là 2386m^2, đất tại xã Thuận T, huyện Cần G , tỉnh Long A do Ủy ban nhân dân huyện Cần G cấp cho hộ ông Ngô Quốc Đ 27/02/2003 và căn nhà, công trình phụ trên thửa đất số 225, tờ bản đồ số 08, loại đất ONT, đất tại xã Thuận T, huyện Cần G , tỉnh Long A. Ông Đ xác định là tài sản chung của Ông Đ và bà Tiến. Ông Đ yêu cầu chia ½ diện tích thửa đất 1066 để ông canh tác, sinh sống. Riêng đối với căn nhà, công trình phụ trên thửa đất số 225, ông yêu cầu được chia đôi, ông nhận hiện vật, hoàn lại ½ giá trị cho bà T. Đối với vị trí C, D theo Mảnh trích đo địa chính số 130-2019 của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Đo đạc Nhà đất Trung Nghĩa đo vẽ đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Cần G duyệt ngày 06/8/2019 và Mảnh trích đo địa chính của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Đo đạc Nhà đất Trung Nghĩa ngày 12/11/2020, Ông Đ không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Ngô Quốc Đ thống nhất với kết quả thẩm định giá theo Chứng thư thẩm định giá tài sản số Vc 19/12/27/TS ngày 26/12/2019 của Công ty Cổ phần Thông tin Thẩm định giá Miền Nam.

Về nợ chung: Ông Đ và bà T có vay của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Cần G số tiền 30.000.000 đồng vào ngày 13/6/2017. Ông Đ xác định cùng bà T trả số nợ này cho Ngân hàng. Hiện khoản vay này bà T đã tất toán.

Bị đơn bà Võ Thị T trình bày:

Bà thống nhất về nội dung đã trình bày về quan hệ hôn nhân, con chung và nợ chung như lời trình bày của ông Đ. Tuy nhiên, về nguyên nhân mâu thuẫn, bà cho biết sau khi cưới nhau được 03 tháng thì Ông Đ và bà phát sinh mâu thuẫn. Do kinh tế khó khăn nên bà Tchuyển qua nghề bán vé số. Ông Đ là người hay ghen, cự cải, cho rằng bà T có mối quan hệ với người đàn ông khác. Điều này khiến cho vợ của người đàn ông kia ghen tuông. Bà Tthừa nhận có những lời lẽ xúc phạm ông Đồng, nhưng Ông Đ có hành vi và những lời nói ảnh hưởng đến cháu Ngô Thị Ngọc T, sinh năm: 2000, khiến cháu Tuyền bị ảnh hưởng mặt tâm sinh lý. Mặt khác, Ông Đ có lời lẽ xúc phạm đến mẹ ruột của bà Tvà xúc phạm đến bản thân bà Tiến. Vì chuyện nhỏ (mất chìa khóa xe), Ông Đ đổ rác thải trong nhà vệ sinh lên đầu của bà T, trước mặt nhiều người. Ông Đ cũng có nhiều hành vi khác xúc phạm nhiều lần đến bà T và không lo cho bà T và các con. Bà và Ông Đ không sống chung từ năm 2012 đến nay. Ông Đ yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà T thì bà đồng ý.

Về con chung: Ông Đ và bà T có ba người con chung là Ngô Nhật T, sinh năm: 1994, Ngô Duy T, sinh năm: 1997, Ngô Thị Ngọc T, sinh năm: 2000. Hiện các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

Về tài sản chung:

Quyền sử dụng đất thửa đất số 225, tờ bản đồ số 08, loại đất ở nông thôn, và căn nhà, công trình phụ trên thửa đất này, đất tại xã Thuận T, huyện Cần G , tỉnh Long A. Nguồn gốc đất là cha mẹ của Ông Đ tặng cho ông Đồng, bà T từ năm

1993, nhưng Ông Đ và bà T thống nhất Ông Đ là người đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà T và Ông Đ cùng các con sinh sống trên phần đất này từ năm 1993 đến thời điểm hiện tại. Bà T là người tôn tạo, giữ gìn rất nhiều để được phần đất có căn nhà, nhà máy như hiện tại. Nền đất ban đầu thấp, bà Tthuê ghe chở đất san lấp để có nền đất như hiện tại. Năm 2004, vợ chồng bà T xây căn nhà cấp 4 trên đất. Năm 2005, tự bà T bỏ tiền ra xây nhà dưới. Năm 2006, tự bà T bỏ tiền ra xây phần trái chữ L; năm 2007, tự bà T bỏ tiền ra xây căn ló và hàng rào. Riêng nhà máy xây xát lúa gạo trên nền thổ cư vợ chồng bà được ba mẹ chồng tặng cho từ năm 1993, nhưng vật dụng trong nhà máy là đồ cũ, năm 1994 phải thay thế toàn bộ. Bà Txác định là tài sản chung của Ông Đ và bà. Bà T yêu cầu chia phần đất thổ và tài sản trên phần đất thổ theo quy định pháp luật, bà T yêu cầu hưởng ½ theo hiện vật, bà Ttrả lại ½ giá trị cho ông Đ.

Quyền sử dụng thửa đất số 1066, tờ bản đồ số 03, loại đất trồng lúa, diện tích qua đo đạc thực tế là 2386m^2, đất tại xã Thuận T, huyện Cần G , tỉnh Long A. Bà Txác định là là tài sản chung của ông Đ và bà. Bà T yêu cầu chia ½ diện tích thửa đất 1066 để bà canh tác, sinh sống. Đối với vị trí C, D theo Mảnh trích đo địa chính số 130-2019 của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Đo đạc Nhà đất Trung Nghĩa đo vẽ đã được chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Cần G duyệt ngày 06/8/2019 và Mảnh trích đo địa chính của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Đo đạc Nhà đất Trung Nghĩa ngày 12/11/2020, bà Tkhông tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Võ Thị T thống nhất với kết quả thẩm định giá theo Chứng thư thẩm định giá tài sản số Vc 19/12/27/TS ngày 26/12/2019 của Công ty Cổ phần Thông tin Thẩm định giá Miền Nam.

Về nợ chung: Ông Đ và bà T có vay của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Cần G số tiền 30.000.000 đồng vào ngày 13/6/2017. Hiện bà T đã tất toán khoản vay này. Bà T yêu cầu Ông Đ trả lại 15.000.000 đồng nhưng bà chưa làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Thanh L trình bày: Quyền sử dụng phần diện tích 190m^2 thuộc một phần thửa 536, tờ bản đồ số 3 theo Mảnh trích đo địa chính số 130-2019 của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Đo đạc Nhà đất Trung Nghĩa đo vẽ đã được chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Cần G duyệt ngày 06/8/2019 và Mảnh trích đo địa chính của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Đo đạc Nhà đất Trung Nghĩa ngày 12/11/2020 là của ông L. Ông L sử dụng đúng ranh thực tế khi ông nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị Thúy Nhung. Khi nhận chuyển nhượng từ bà N, ông có yêu cầu bà N xác định ranh và cắm cọc thực tế. Hiện tại, phía bà T và Ông Đ không còn yêu cầu chia tài sản đối với phần diện tích 190m^2 thuộc một phần thửa 536, tại vị trí C thì ông không có ý kiến đối với yêu cầu chia tài sản của bà T và Ông Đ vì yêu cầu của họ không ảnh hưởng đến quyền lợi của ông, ông xin Tòa án vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Ngọc H trình bày:

Quyền sử dụng phần diện tích 182m^2 thuộc một phần thửa 1010, tờ bản đồ số 3 theo Mảnh trích đo địa chính số 130-2019 của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Đo đạc Nhà đất Trung Nghĩa đo vẽ đã được chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Cần G duyệt ngày 06/8/2019 và Mảnh trích đo địa chính của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Đo đạc Nhà đất Trung Nghĩa ngày 12/11/2020 là của bà H. Bà Huệ sử dụng đúng ranh thực tế khi bà nhận tặng cho của ông Trần Quang D. Hiện tại, phía bà T và Ông Đ không còn yêu cầu chia tài sản đối với phần diện tích 182m^2 thuộc một phần thửa 1010, tại vị trí D thì bà không có ý kiến đối với yêu cầu chia tài sản của bà T và Ông Đ vì yêu cầu của họ không ảnh hưởng đến quyền lợi của bà, bà xin Tòa án vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Ngô Nhật T, Ngô Duy T và Ngô Thị Ngọc T thống nhất trình bày: Các anh chị là con ruột của ông Ngô Quốc Đ và bà Võ Thị T. Anh Duy T, anh Nhật T, chị Ngọc T xác định các tài sản mà Ông Đ và bà Tđang tranh chấp gồm: Quyền sử dụng đất thửa đất số 225, tờ bản đồ số 08, loại đất ở nông thôn, và căn nhà, công trình phụ trên thửa đất này; quyền sử dụng thửa đất số 1066, tờ bản đồ số 03, loại đất trồng lúa, diện tích qua đo đạc thực tế là 2386m^2, đất tại xã Thuận Thành, huyện Cần G , tỉnh Long A thì các anh, chị không có công sức đóng góp. Đây không phải là tài sản của anh Ngô Nhật T, Ngô Duy T và Ngô Thị Ngọc T. Anh Duy T, anh Nhật T, chị Ngọc T xin Tòa án vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Hoàng V, bà Nguyễn Thị Kim L trình bày: Ông V và bà L có xác lập hợp đồng thuê quyền sử dụng đất đối với thửa đất 1066, tờ bản đồ số 03, loại đất lúa, đất tại Ấp Thuận B, xã Thuận T, huyện Cần G , tỉnh Long A với ông Ngô Quốc Đ và bà Võ Thị T. Hai bên chỉ thỏa thuận miệng. Ông V và bà L canh tác lúa được 04 năm nay, mỗi một năm cứ 1000m^2 đất ông V và bà L trả cho Ông Đ và bà T 04 giạ lúa. Qua yêu cầu chia tài sản của ông Đ, bà T liên quan đến thửa đất 1066 thì ông V, bà L sẽ liên hệ với chủ sử dụng đất, nếu họ cho thuê đất thì vợ chồng ông tiếp tục thuê; nếu họ không cho thuê đất nữa, thì ông V, bà L trả lại đất. Nếu có tranh chấp thì giải quyết bằng vụ án khác. Ông Lê Hoàng V, bà Nguyễn Thị Kim L xin Tòa án vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Văn bản đề ngày 18/7/2018 của Đại diện hợp pháp Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Cần G nêu rõ: Bà Võ Thị T đã trả tất nợ Ngân hàng và không còn vay tại Agribank Chi nhánh huyện Cần G ; xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của ông Ngô Quốc Đ- luật sư Nguyễn Phú V trình bày: Căn nhà, công trình phụ trên thửa đất số 225, tờ bản đồ số 08, loại đất ONT, đất tại xã Thuận Thành, huyện Cần G , tỉnh Long A theo Ông Đ trình bày là có nguồn gốc của cha mẹ Ông Đ để lại, sau đó bà T và Ông Đ sửa chữa, cải tạo. Chi phí bỏ ra khoảng 50.000.000 đồng, chi phí này là tài sản chung của ông Đ, bà T. Còn căn nhà, công trình phụ trên thửa đất số 225 vẫn là tài sản riêng của ông Đ. Tại phiên tòa, ông Vinh đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận ông Đ, bà T là vợ chồng. Quyền sử dụng đất thửa đất số 225, tờ bản đồ số 08, loại đất ở nông

thôn, và căn nhà, công trình phụ trên thửa đất này, đất tại xã Thuận T, huyện Cần G , tỉnh Long A là tài sản riêng của ông Đ, đề nghị Hội đồng xét xử không chia tài sản này. Riêng quyền sử dụng thửa đất số 1066, tờ bản đồ số 03, loại đất trồng lúa, diện tích qua đo đạc thực tế là 2386m^2, đất tại xã Thuận T, huyện Cần G , tỉnh Long A là tài sản chung của ông Đ, bà T, nên đề nghị chia đôi và cho Ông Đ hưởng hiện vật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần G phát biểu ý kiến:

Trong quá trình thụ lý vụ án cũng như giải quyết vụ án, Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ trình tự tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản pháp luật hướng dẫn có liên quan. Việc chấp hành pháp luật của các người tham gia tố tụng là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Ngô Quốc Đ yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Ông Đ và bà Võ Thị T.

Xét thấy, ông Ngô Quốc Đ và bà Võ Thị T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993, không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Căn cứ Điều 11 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000, điểm a khoản 3 Nghị quyết 35 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình, ông Ngô Quốc Đ và bà Võ Thị T không được công nhận là vợ chồng.

Về con chung: Ông Đ và bà Tcó ba người con chung là Ngô Nhật T, Ngô Duy T, Ngô Thị Ngọc T. Hiện các con đã trưởng thành nên không xem xét.

Về chia tài sản: Ông Ngô Quốc Đ yêu cầu chia đôi quyền sử dụng thửa đất số 1066, diện tích đo đạc thực tế 2.386m^2, Ông Đ và bà T mỗi người nhận diện tích 1193m^2 và Ông Đ thừa nhận tài sản có trên thửa đất 225 là tài sản chung của Ông Đ và bà Tiến, Ông Đ yêu cầu nhận hiện vật, hoàn lại ½ giá trị cho bà Tiến. Bà T yêu cầu chia đôi thửa đất 225, diện tích đo đạc thực tế 580m^2, bà T yêu cầu nhận hiện vật, hoàn lại ½ giá trị cho ông Đ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Ông Đ và bà T đều thừa nhận quyền sử dụng thửa đất số 1066, diện tích đo đạc thực tế 2.386m^2, tờ bản đồ số 03, loại đất trồng lúa, tọa lạc tại xã Thuận T, huyện Cần G , tỉnh Long A và căn nhà, công trình phụ trên thửa đất số 225, tờ bản đồ số 08, loại đất ONT, tọa lạc tại xã Thuận Thành, huyện Cần G , tỉnh Long A là tài sản chung của Ông Đ và bà Tiến. Do Ông Đ và bà T đều thừa nhận là tài sản chung nên đây được xem là tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, có đủ cơ sở xác định quyền sử dụng thửa đất 1066 và tài sản là căn nhà, công trình phụ trên thửa đất 225 là tài sản chung của Ông Đ và bà T.

Ông Đ và bà T thống nhất chia đôi quyền sử dụng thửa đất 1066 là có căn cứ cần được chấp nhận. Ông Ngô Quốc Đ quản lý, sử dụng vị trí A, diện tích 1193m^2, thuộc thửa đất số 1066, tờ bản đồ số 3; bà Võ Thị T quản lý, sử dụng vị trí B, diện tích 1193m^2, thuộc thửa đất số 1066, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại xã Thuận Thành,

huyện Cần G , tỉnh Long A theo Mảnh trích đo địa chính số 130-2019 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Cần G duyệt ngày 06/9/2019, mảnh trích đo địa chính do Công ty TNHH đo đạc nhà đất Trung Nghĩa – chi nhánh Cần G đo vẽ ngày 12/11/2020.

Đối với quyền sử dụng phần đất thuộc thửa đất số 225, diện tích đo đạc thực tế 580m^2, tờ bản đồ số 08, loại đất ở nông thôn, tọa lạc tại xã Thuận Thành, huyện Cần G , tỉnh Long A. Ông Đ cho rằng quyền sử dụng thửa đất thửa 225 là tài sản riêng của ông nên khÔng Đ ý chia đôi theo yêu cầu của bà Tiến. Còn bà T cho rằng thửa đất 225 là tài sản chung của vợ chồng được cha mẹ của Ông Đ tặng cho ông Đồng, bà T từ năm 1993 nên bà T yêu cầu chia đôi thửa đất 225, bà Tyêu cầu nhận được hiện vật, hoàn lại ½ giá trị cho ông Đồng.

Căn cứ vào hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 225 cho thấy, ông Ngô Quốc Đ được Ủy ban nhân dân huyện Cần G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Quyết định số 2070/QĐ-UBND ngày 12/02/2007. Về nguồn gốc đất, do Ông Đ được thừa kế riêng từ cha mẹ của Ông Đ là ông Ngô Văn M và bà Nguyễn Thị B để lại, sau đó anh chị em của Ông Đ thỏa thuận phân chia di sản thừa kế. Căn cứ vào Điều 16, 43, 59 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, có căn cứ xác định quyền sử dụng phần đất thuộc thửa đất số 225 là tài sản riêng của Ông Đ do đó không chấp nhận yêu cầu chia tài sản của bà T đối với thửa đất số 225.

Đối với căn nhà và công trình phụ trên thửa đất số 225, Ông Đ và bà Tđều thừa nhận là tài sản chung. Ông Đ và bà T đều yêu cầu được sở hữu căn nhà và công trình phụ trên đất, đồng ý thanh toán cho bên còn lại ½ giá trị tài sản. Xét thấy, nguồn gốc thửa đất 225 do Ông Đ được thừa kế riêng, Ông Đ đang quản lý và sử dụng căn nhà và công trình phụ có trên đất, tại phiên tòa bà Tthừa nhận bà Tđã cất nhà ở riêng từ khoảng 03 năm nay. Do đó có căn cứ chấp nhận cho ông Ngô Quốc Đ nhận hiện vật là căn nhà và công trình phụ trên thửa đất 225, Ông Đ có trách nhiệm thanh toán cho bà T½ giá trị tài sản theo Chứng thư thẩm định giá tài sản số Vc 19/12/27/TS ngày 26/12/2019 của Công ty cổ phần thông tin thẩm định giá miền Nam (Bà Tđược hưởng giá trị là: (404.256.927+1.400.000)/2 = 202.828.464 đồng).

Tuy nhiên, xét thấy trong thời gian chung sống như vợ chồng, bà T có công sức quản lý, gìn giữ, tôn tạo đất, do đó cần trích cho bà T 5% giá trị quyền sử dụng đất thửa đất 225, cụ thể 5% x 3.460.280.000 đồng= 173.014.000 đồng và Ông Đ có trách nhiệm thanh toán cho bà Tsố tiền này.

Đối với phần diện tích tại vị trí D, C theo Mảnh trích đo ông Ngô Quốc Đ, bà Võ Thị T, ông Trương Thanh L, bà Phạm Thị Ngọc H không tranh chấp nên không xem xét.

Đối với việc ông Lê Hoàng V, bà Nguyễn Thị Kim L đang thuê thửa đất 1066 của ông Đ, bà T để trồng lúa, việc thuê đất chỉ thỏa thuận miệng, các bên không tranh chấp nên không xem xét.

Căn cứ khoản 7 Điều 28, Điều 35, 39, 92, 147 BLTTDS 2015; Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 16, 33, 43, 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Nghị quyết số 326 về pháp lệnh án phí, lệ phí: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Đ về việc không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Ông Đ và bà T, yêu cầu chia đôi tài sản chung là thửa 1066 và tài sản có trên thửa đất 225, không chấp nhận yêu cầu của bà T về việc yêu cầu chia đôi thửa đất 225. Các đương sự phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ vào nơi cư trú của bị đơn và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn xét thấy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cần G theo quy định tại khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 các Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Anh Ngô Nhật T, anh Ngô Duy T, chị Ngô Thị Ngọc T, ông Trương Thanh L, bà Phạm Thị Ngọc H, ông Lê Hoàng V, bà Nguyễn Thị Kim L có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] Về pháp luật áp dụng: Hội đồng xét xử áp dụng Luật Hôn nhân gia đình năm 2000 để xác định tính chất pháp lý của quan hệ vợ chồng giữa Ông Đ và bà Tiến. Khi xem xét yêu cầu chia tài sản chung trong vụ án, Hội đồng xét xử áp dụng Luạt Hôn nhân gia đình năm 2014 để giải quyết.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Ngô Quốc Đ và bà Võ Thị T chung sống với nhau như vợ chồng sau năm 1986, trước ngày Luật Hôn nhân gia đình năm 2000 có hiệu lực, nhưng không đăng ký kết hôn. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 11 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000, ông Ngô Quốc Đ và bà Võ Thị T không được công nhận là vợ chồng.

[3.2] Về tài sản:

[3.2.1] Ông Đ và bà T đều thừa nhận quyền sử dụng thửa đất số 1066, tờ bản đồ số 03, loại đất trồng lúa, diện tích qua đo đạc thực tế là 2.386 m^2, đất tại xã Thuận Thành, huyện Cần G , tỉnh Long A và căn nhà, công trình phụ trên thửa đất số 225, tờ bản đồ số 08, loại đất ONT, đất tại xã Thuận T, huyện Cần G , tỉnh Long A là tài sản chung của Ông Đ và bà Tiến. Mặt khác, bà T và Ông Đ đều xác nhận trong quá trình sống chung, bà Tđã cùng Ông Đ bảo quản, giữ gìn, tôn tạo quyền sử dụng đất thửa đất số 225, tờ bản đồ số 08, loại đất ở nông thôn, đất tại xã Thuận T, huyện Cần G , tỉnh Long A. Căn cứ Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định lời trình bày của Ông Đ và bà T là sự thật và đây là các tình tiết không cần phải chứng minh của vụ án.

[3.2.2] Bà Võ Thị T và ông Ngô Quốc Đ không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên không được công nhận là vợ chồng. Vì vậy, Ông Đ và bà T

không hình thành tài sản chung hợp nhất mà là tài sản chung theo phần. Căn cứ vào Điều 214 và Điều 216 Bộ luật Dân sự năm 2005 để xem xét chia theo phần.

[3.2.3] Xét yêu cầu của bà T đòi chia quyền sử dụng thửa đất số 225, tờ bản đồ số 08, loại đất ở nông thôn, đất tại xã Thuận T, huyện Cần G , tỉnh Long A, thấy rằng:

Bà Võ Thị T cho rằng thửa đất này là tài sản chung của vợ chồng, cha mẹ của Ông Đ tặng cho Ông Đ và bà T từ năm 1993, nhưng Ông Đ và bà T thống nhất là để Ông Đ là người đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà T và Ông Đ cùng các con sinh sống trên phần đất này từ năm 1993 đến thời điểm hiện tại. Tuy nhiên, lời trình bày này của bà T không được Ông Đ thừa nhận. Ông Đ cho rằng quyền sử dụng thửa đất này là tài sản riêng của ông Đ.

Căn cứ vào hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 225 thể hiện: Ông Ngô Quốc Đ được Ủy ban nhân dân huyện Cần G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Quyết định số 2070/QĐ-UBND ngày 12/02/2007. Nguồn gốc đất là ông Ngô Quốc Đ được nhận thừa kế từ ông Ngô Văn M (chết năm 2002), mẹ là bà Nguyễn Thị B và các anh em trong gia đình Ông Đ phân chia và sử dụng ổn định từ năm 2002, không có tranh chấp. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 16 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, xác định quyền sử dụng phần đất thuộc thửa đất số 225, tờ bản đồ số 08, loại đất ở nông thôn, đất tại xã Thuận T, huyện Cần G , tỉnh Long A là tài sản riêng của ông Đ. Bà Tcho rằng thửa đất số 225, là tài sản chung của Ông Đ và bà T. Tuy nhiên, bà T không đưa ra được chứng cứ chứng minh và như viện dẫn nêu trên thì không có căn cứ chấp nhận yêu cầu chia tài sản của bà T đối với thửa đất số 225, tờ bản đồ số 08, loại đất ở nông thôn, đất tại xã Thuận T, huyện Cần G , tỉnh Long A.

[3.2.4] Đối với căn nhà và công trình phụ trên thửa đất số 225, tờ bản đồ số 08, loại đất ở nông thôn, đất tại xã Thuận T, huyện Cần G , tỉnh Long A thì Ông Đ và bà Txác định là tài sản chung của ông bà.

Ông Đ và bà T đều yêu cầu được sở hữu các tài sản này, đồng ý thanh toán lại cho bên còn lại ½ giá trị tài sản. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 16 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Điều 216 Bộ luật Dân sự năm 2005 để giải quyết. Xét thấy, việc giải quyết quan hệ tài sản phải bảo đảm quyền, lợi ích của phụ nữ và con. Tại phiên tòa, bà T xác nhận bà đã xây nhà kiên cố tại khu phố Hòa Thuận 2, thị trấn Cần G , huyện Cần G , tỉnh Long A khoảng 02 năm nay và sinh sống cùng với các con đã trưởng thành, cuộc sống đã ổn định. Hơn nữa, hiện ông Ngô Quốc Đ đã và đang quản lý và sử dụng thửa đất số 225, tờ bản đồ số 08, loại đất ở nông thôn, đất tại xã Thuận Thành, huyện Cần G , tỉnh Long A.

Hội đồng xét xử quyết định giao cho ông Ngô Quốc Đ nhận hiện vật là căn nhà, các công trình phụ và các tài sản khác gồm: cối lức đã qua sử dụng, hiệu SVEAM, Model HW 60A, số vòng quay: 1.100 vòng/phút; năng suất 1.000kg/h, trọng lượng 85kg, năm sản xuất tháng 6/2013. Tổng giá trị: (404.256.927+1.400.000) : 2 = 202.828.464 đồng; tài sản trên thửa đất số 225, tờ bản đồ số 08, loại đất ở nông thôn, đất tại xã Thuận Th, huyện Cần G , tỉnh Long

A. Bà T được chia giá trị là: 202.828.464 đồng và Ông Đ có trách nhiệm thanh toán cho bà Tsố tiền này.

[3.2.5] Mặc dù, bà T được hưởng hoa lợi, lợi tức từ thời điểm sống chung đến hiện tại, nhưng xét thấy công sức của bà Ttrong thời gian quản lý quyền sử dụng đất nhằm giữ gìn, tăng giá trị đất, cải tạo duy tu quyền sử dụng đất. Bà Tkhông yêu cầu trả công sức quản lý nhưng yêu cầu chia ½ diện tích quyền sử dụng đất thửa 225 là yêu cầu lớn hơn nên được xem là bà Tcó yêu cầu trả công sức quản lý. Do đó, Hội đồng xét xử trích 5% giá trị quyền sử dụng đất thửa đất số 225 cho bà Tiến. Cụ thể với số tiền là: 3.460.280.000 đồng x 5% = 173.014.000 đồng và Ông Đ có trách nhiệm thanh toán cho bà T số tiền này.

[3.2.6] Hội đồng xét xử xác định quyền sử dụng thửa đất số 1066, tờ bản đồ số 03, loại đất trồng lúa, đất tại xã Thuận T, huyện Cần G , tỉnh Long A theo Mảnh trích đo địa chính số 130-2019 của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Đo đạc Nhà đất Trung Nghĩa đo vẽ đã được chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Cần G duyệt ngày 06/8/2019 và Mảnh trích đo địa chính của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Đo đạc Nhà đất Trung Nghĩa ngày 12/11/2020 là tài sản chung của Ông Đ và bà Tiến. Ông Đ và bà T yêu cầu chia đôi tài sản này và xin được hưởng hiện vật. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu này là có căn cứ.

Ngày 27/02/2003, Ủy ban nhân dân huyện Cần G cấp cho hộ ông Ngô Quốc Đ quyền sử dụng thửa đất số 1066, tờ bản đồ số 3. Những người con của Ông Đ và bà Tđều thống nhất quyền sử dụng thửa đất số 1066 là tài sản riêng của Ông Đ và bà Tiến, các con không có công sức đóng góp. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao ông Ngô Quốc Đ quản lý, sử dụng vị trí A, diện tích 1193m^2, thuộc thửa đất số 1066, tờ bản đồ số 3; bà Võ Thị T quản lý, sử dụng vị trí B, diện tích 1193m^2, thuộc thửa đất số 1066, tờ bản đồ số 3, đất tại xã Thuận Thành, huyện Cần G , tỉnh Long A.

[3.2.7] Vị trí D, C do các bên: ông Ngô Quốc Đ, bà Võ Thị T, ông Trương Thanh L, bà Phạm Thị Ngọc H không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.2.8] Đối với việc ông Lê Hoàng V, bà Nguyễn Thị Kim L đang thuê thửa đất 1066 của ông Ngô Quốc Đ, bà Võ Thị T để trồng lúa, việc thuê đất chỉ thỏa thuận miệng do các đương sự không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về nợ chung: Ông Đ và bà T xác nhận có nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Cần G số tiền 30.000.000 đồng. Hiện bà T đã tất toán khoản nợ này. Phía ngân hàng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà Tkhông nộp đơn khởi kiện đối với Ông Đ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] Về chi phí đo đạc, định giá, thẩm định tại chỗ với số tiền là 28.500.000 đồng. Theo quy định tại Điều 157, 165 Bộ luật Tố tụng dân sự thì bà T phải chịu chi phí này nhiều hơn Ông Đ do yêu cầu chia quyền sử dụng đất thửa 225 không được chấp nhận. Cụ thể, Ông Đ phải chịu 7.500.000 đồng, bà Tphải chịu 21.000.000 đồng.

Tạm ứng chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ, bà T đã nộp 3.500.000 đồng, Ông Đ có nộp 25.000.000 đồng. Cho nên, buộc bà Võ Thị T trả lại ông Ngô Quốc Đ số tiền là: 17.500.000 đồng.

[3.5] Về án phí:

Bà Võ Thị T chịu 300.000 đồng án phí đối với việc bà Tyêu cầu chia thửa đất số 225 nhưng thửa đất này không thuộc quyền sử dụng của bà. Bà Võ Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo mức tương ứng với giá trị phần tài sản mà bà Tđược chia gồm giá trị quyền sử dụng đất lúa, giá trị tài sản trên đất thổ, phần trích công sức được chia là 36.982.844 đồng. Hai khoản án phí là: 37.282.844 đồng.

Ông Ngô Quốc Đ phải chịu án phí 300.000 đồng hôn nhân gia đình sơ thẩm; chịu án phí dân sự sơ thẩm theo mức tương ứng với giá trị phần tài sản mà Ông Đ được chia gồm giá trị quyền sử dụng đất lúa, giá trị tài sản trên đất thổ 30.389.898 đồng. Hai khoản án phí là: 30.689.898 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227; 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 11 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000;

Áp dụng Điều 16 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 214, Điều 216 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Áp dụng Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 27, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Ngô Quốc Đ và bà Võ Thị T.

2. Về con chung: Các con đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

3. Về tài sản chung:

3.1. Bác yêu cầu của bà Võ Thị T về xác định tài sản chung là quyền sử dụng thửa đất số 225, tờ bản đồ số 08, loại đất ở nông thôn, đất tại xã Thuận Thành, huyện Cần G , tỉnh Long A.

3.2. Chấp nhận yêu cầu của bà Võ Thị T về xác định tài sản chung là căn nhà và công trình phụ, máy móc thiết bị: cối lức đã qua sử dụng trên thửa đất số 225, tờ bản đồ số 08, loại đất ở nông thôn, đất tại xã Thuận T, huyện Cần G , tỉnh Long A.

3.3. Xác định quyền sử dụng thửa đất số 225, tờ bản đồ số 08, loại đất ở nông thôn, diện tích qua đo đạc thực tế là 580m^2, đất tại xã Thuận T, huyện Cần G , tỉnh Long A là tài sản riêng của ông Ngô Quốc Đ.

3.4. Ông Ngô Quốc Đ tiếp tục quản lý, sử dụng thửa đất số 225, tờ bản đồ số 08, diện tích qua đo đạc thực tế là 580m^2, loại đất ở nông thôn, đất tại xã Thuận Thành, huyện Cần G , tỉnh Long A và các tài sản gồm: căn nhà, công trình phụ có trên thửa đất số 225 và tài sản máy móc thiết bị là cối lức đã qua sử dụng, hiệu SVEAM, Model HW 60A, số vòng quay: 1.100 vòng/phút; năng suất 1.000kg/h, trọng lượng 85kg, năm sản xuất tháng 6/2013.

(Theo Biên bản thẩm định tại chỗ ngày 20/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện Cần G và Chứng thư thẩm định giá tài sản số Vc 19/12/27/TS ngày 26/12/2019 của Công ty Cổ phần Thông tin Thẩm định giá Miền Nam lập)

3.5. Ông Ngô Quốc Đ có nghĩa vụ thanh toán cho bà Võ Thị T giá trị tài sản chung và công sức đóng góp là số tiền: 173.014.000 đồng + 202.828.464 đồng = 375.842.464 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, khoản tiền trên hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3.2. Chấp nhận yêu cầu của ông Ngô Quốc Đ về việc chia tài sản là quyền sử dụng thửa đất số 1066, tờ bản đồ số 03, loại đất trồng lúa, đất tại xã Thuận T, huyện Cần G , tỉnh Long A.

Ông Ngô Quốc Đ được chia phần đất có diện tích 1193m^2, thuộc một phần thửa đất số 1066, tờ bản đồ số 3; thể hiện ở vị trí A của Mảnh trích đo địa chính số 130-2019 của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Đo đạc Nhà đất Trung Nghĩa đo vẽ đã được chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Cần G duyệt ngày 06/8/2019 và Mảnh trích đo địa chính của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Đo đạc Nhà đất Trung Nghĩa ngày 12/11/2020.

Vị trí tiếp giáp của thửa 1066 phần A:

Đông giáp: Thửa số 538;

Tây giáp: Thửa số 536.

Nam giáp: Thửa số 601.

Bắc giáp: Thửa số 1066 (pcl).

Bà Võ Thị T được chia phần đất có diện tích 1193m^2, thuộc một phần thửa đất số 1066, tờ bản đồ số 3, đất tại xã Thuận T, huyện Cần G , tỉnh Long A, thể hiện ở vị trí B của Mảnh trích đo địa chính số 130-2019 của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Đo đạc Nhà đất Trung Nghĩa đo vẽ đã được chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Cần G duyệt ngày 06/8/2019 và Mảnh trích đo địa chính của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Đo đạc Nhà đất Trung Nghĩa ngày 12/11/2020.

Vị trí tiếp giáp của thửa 1066 phần B:

Đông giáp: Thửa số 538;

Tây giáp: Thửa số 536; 1010.

Nam giáp: Thửa số 1066 (mpt)

Bắc giáp: Thửa số 1067.

Phần đất mà các đương sự được quyền sử dụng phải làm thủ tục để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

4. Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về chi phí đo đạc, thẩm định giá với số tiền là 28.500.000 đồng. Ông Ngô Quốc Đ chịu 7.500.000 đồng và đã nộp đủ. Bà Võ Thị T phải chịu 21.000.000 đồng. Buộc bà Võ Thị T trả lại ông Ngô Quốc Đ số tiền là: 17.500.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, khoản tiền trên hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

6. Về án phí:

Bà Võ Thị T phải chịu án phí là: 37.282.844 đồng. Tạm ứng án phí bà Tđã nộp là 4.492.500 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006051 ngày 21/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần G , tỉnh Long A. Bà Tcòn phải nộp: 32.790.344 đồng.

Ông Ngô Quốc Đ phải chịu án phí là: 30.689.898 đồng. Tạm ứng án phí Ông Đ đã nộp là 2.035.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005928 ngày 10/01/2018; 0005611 ngày 19/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần G , tỉnh Long A. Ông Đ còn phải nộp: 28.654.898 đồng.

7. Án sơ thẩm, đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hánh án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long A;
- VKSND huyện Cần G ;
- Chi cục THADS huyện Cần G ;
- UBND xã Thuận T, huyện Cần G ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Đương sự;
- Lưu./.

Nguyễn Thị Thanh Vân